Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Thị Thuý

2. Ngày tháng năm sinh: 13/07/1985; Nam ☐; Nữ ☑; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Thiệu Giao, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 31 A9, Tổ 17, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): C1006, Ecolife Tây Hồ, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0982475456;

E-mail: thuylt@epu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 04,2011 đến tháng, năm 06,2023: Giảng viên cơ hữu tại Đại học Điện lực

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Điện lực

Địa chỉ cơ quan: 235 Hoàng Quốc Việt, Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02422185607

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 12 tháng 06 năm 2007, số văn bằng: 0021284, ngành: Sư phạm Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 22 tháng 04 năm 2010, số văn bằng: 004716, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán giải tích; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng TS [5] ngày 02 tháng 08 năm 2013, số văn bằng: 000129, ngành: Toán học, chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Tập hút đối với một số lớp bài toán Parabolic suy biến.
- Dáng điệu tiệm cận nghiệm đối với một số lớp bài toán Navier-Stokes mở rộng có trễ.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 21 bài báo khoa học, trong đó 18 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực

Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:
Trong quá trình công tác tại trường Đại học Điện lực:

- Về giảng dạy: Tôi đã tham gia giảng dạy nhiều môn học cho sinh viên toàn trường và có những đóng góp nhất định với đào tạo giáo dục đại học:

+ Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, phụ trách các môn học tại trường Đại học Điện lực: Toán cao cấp 1, 2, 3 (Đại số tuyến tính, giải tích cổ điển), Xác suất thống kê, Phương pháp tính, Quy hoạch tuyến tính.

+ Tôi tham gia viết giáo trình môn Phương pháp tính, soạn đề cương các môn học, viết bài giảng cho các môn Toán tại trường Đại học Điện lực.

+ Tham gia giảng dạy và phụ trách đội tuyển sinh viên đi thi Olympic toán học toàn quốc một số năm.

- Về nghiên cứu khoa học:

+ Là thành viên Hội đồng khoa học - Khoa Khoa học Tự nhiên, trường Đại học Điện lực, có nhiều đóng góp trong các công tác khoa học của khoa.

+ Tích cực đóng góp cho các hoạt động của khoa, nhà trường tại các hội nghị thường niên, các seminar khoa học của khoa, trường.

+ Công bố 21 bài báo trên các tạp chí quốc tế, trong đó có 18 bài báo khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục SCIE/Scopus.

+ Chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu.

+ Tham gia tham gia báo cáo tại nhiều hội thảo trong nước và quốc tế.

+ Hướng dẫn thành công 03 học viên cao học, tham gia phản biện và chấm luận văn thạc sỹ cho nhiều học viên cao học các trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Hồng Đức.

+ Phản biện cho một số tạp chí khoa học có trong danh mục SCIE, là thành viên phản biện trong Mathematical Review và phản biện cho nhiều bài báo trong Mathscinet của Hội Toán học Mỹ AMS.

Tôi luôn tích cực không ngừng rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức và sức khoẻ đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:
- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 2 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	**Phụ**			**ĐH**	**SĐH**	
1	2017-2018			1		360		360/477,9/270
2	2018-2019					480		480/563,9/270
3	2019-2020					450		450/548,1/270
03 năm học cuối								
4	2020-2021			1		450		450/552/270
5	2021-2022			1		270		270/339/270
6	2022-2023					283		283/283/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☑; Diễn giải: Các bài báo khoa học đều được viết bằng tiếng Anh; Ứng viên đã tham dự và báo cáo tại một số Hội thảo khoa học quốc tế bằng tiếng Anh

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hương		X	X		03/2016 đến 10/2016	Trường Đại học Hồng Đức	24/03/2017
2	Phí Mạnh Tiến		X	X		12/2020 đến 08/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	05/12/2022
3	Đào Thị Mai Phượng		X	X		12/2021 đến 08/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	05/12/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Sự tồn tại và duy nhất nghiệm yếu của bài toán Navier-Stokes 3 chiều tắt dần có trễ	CN	Số 2456/QĐ-ĐHĐL, cấp Cơ sở	26/12/2018 đến 25/12/2019	25/12/2019 Loại Tốt
2	Dáng điệu tiệm cận nghiệm của bài toán kiểu Brinkman-Forchheimer 3 chiều có trễ	CN	Số 464/QĐ-ĐHĐL, cấp Cơ sở	15/05/2020 đến 19/08/2021	19/08/2021 Loại Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	On the global attractors for a class of semilinear degenerate parabolic equations	3	Không	Annales Polonici Mathematici	Q2 - SCIE ***IF: 0.476***	2	98, 1, 71-89	01/2010
2	Attractors for quasilinear parabolic equations involving weighted p-Laplacian operators	3	Không	Vietnam Journal of Mathematics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	1	38, 3, 261-280	10/2010
3	On uniform global attractor for a class of non-autonomous degenerate parabolic equations	3	Không	International Journal of Dynamical Systems and Differential Equations	Q2 - Scopus ***IF: 0.755***	1	4, 1-2, 35-55	01/2012

4	Notes on global attrators for a class of semilinear degenerate parabolic equations	2	Không	Journal of Nonlinear Evolution Equations and Applications	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	2	2012, 4, 41-55	08/2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
5	Global attractors for a class of semilinear degenerate parabolic equations on R^N	2	Có	Bulletin of the Polish Academy of Sciences Mathematics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	2	61, 1, 47-65	03/2013
6	Regularity and fractal dimension of pullback attractors for a non-autonomous semilinear degenerate parabolic equation	3	Có	Glasgow Mathematical Journal	Q2 - SCIE ***IF: 0.309***	8	55, 2, 431-448	05/2013
7	Long-time behavior for semilinear degenerate parabolic equations on R^N	2	Có	Communications of the Korean Mathematical Society	Q4 - Scopus ***IF: 0.223***		28, 4, 751-766	12/2013

8	Pullback attractors for a non-autonomous semilinear degenerate parabolic equation on R^N	3	Không	Acta Mathematica Vietnamica	Q4 - Scopus ***IF: 0.241***		41, 2, 183-199	06/2016
9	Semilinear strongly degenerate parabolic equations with a new class of nonlinearities	3	Không	Vietnam Journal of Mathematics	Q3 - Scopus ***IF: 0.28***	2	45, 3, 507-517	09/2017
10	Long-time behavior of solutions to a nonlocal quasilinear parabolic equation	2	Có	Communications of the Korean Mathematical Society	Q3 - Scopus ***IF: 0.273***		34, 4, 1365-1388	12/2019
11	Uniform attractors of nonclassical diffusion equations on R^N with memory and singulary oscillating external forces	2	Không	Mathematical Methods in the Applied Sciences	Q2 - SCIE ***IF: 2.321***	1	44, 1, 820-852	01/2021

12	Quasilinear parabolic equations with first order terms and L^1-data in moving domains	4	Không	Nonlinear Analysis	Q1 - SCIE ***IF: 2.217***	2	206, 112233, 1-28	05/2021
13	Dynamics of non-autonomous quasilinear degenerate parabolic equations: the non-compact case	3	Có	Acta Mathematica Vietnamica	Q3 - Scopus ***IF: 0.366***		46, 3, 579 - 598	05/2021
14	Global attractor for a class of quasilinear degenerate parabolic equations with nonlinearity of arbitrary order	3	Có	Communications of the Korean Mathematical Society	Q3 - Scopus ***IF: 0.341***		36, 3, 447-463	07/2021

15	Asymptotic behavior of solutions to 3D convective Brinkman-Forchheimer equations with finite delays	1	Có	Communications of the Korean Mathematical Society	Q3 - Scopus ***IF: 0.341***		36, 3, 527-548	07/2021
16	Long-time behavior of a family of incompressible three-dimensional Leray-α-like models	3	Có	Bulletin of the Korean Mathematical Society	Q3 - SCIE ***IF: 0.467***		58, 5, 1109-1127	09/2021
17	Asymptotic behavior of solutions to 3D Kelvin-Voigt-Brinkman-Forchheimer equations with unbounded delays	1	Có	Electronic Journal of Differential Equations	Q2 - SCIE ***IF: 1.129***		2022, 7, 1-18	01/2022

18	Existence and asymptotic behavior of solutions to a class of semilinear degenerate parabolic equations with nonlinearities of arbitrary order	3	Có	Dynamics of Continuous, Discrete and Impulsive Systems	Q4 - Scopus ***IF: 0.184***		29, 1, 77-89	02/2022
19	Time optimal control problem of the 3D Navier-Stokes-α equations	2	Có	Numerical Functional Analysis and Optimization	Q2 - SCIE ***IF: 1.418***		43, 6, 667-697	03/2022
20	The nonclassical diffusion equations with time-dependent memory kernels and a new class of nonlinearities	2	Không	Glasgow Mathematical Journal	Q2 - SCIE ***IF: 0.573***		64, 3, 716–733	09/2022

21	Asymptotic behavior of solutions on modifications of three-dimensional Navier–Stokes equations with unbounded delays	1	Có	Rocky Mountain Journal of Mathematics	Q3 - SCIE ***IF: 0.813***		52, 5, 1775-1794	10/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 11 ([6] [7] [10] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [19] [21])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố ***(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)***

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2023

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)